

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HS-ST
Ngày 07-02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thế Khuynh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vi Hồng Nhung;

Bà Ngô Thị Thu Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Phần - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Ngọc Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2022/TLHS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo:

Vi Văn E, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1989, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Nùng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Vi Đức P; con bà Lộc Thị L; vợ: Lăng Thị V; con: Có 04 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2019); tiền sự: Không có; tiền án: Không; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/8/2022 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Vi Văn E: Ông Bế Quang Hưng - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Vi Đức P, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Lộc Thị L, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Vi Đức P, sinh năm 1957, là người đại diện theo ủy quyền của bà Lộc Thị L (văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 10 năm 2022); địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Ông Vi Văn H, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Anh Vi Văn L1, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

5. Anh Vi Văn C, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

6. Anh Vi Văn N, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

7. Anh Nông Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

8. Anh Vi Văn N1, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

9. Chị Lăng Thị V, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vi Văn E được bố mẹ để là ông Vi Đức P và bà Lộc Thị L (hiện đang sinh sống cùng E) giao cho quản lý thửa đất số 152 có diện tích 2.409m² tại đồi K (K) thuộc Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Vi Đức P). Khoảng cuối tháng 6, đầu tháng 7 năm 2022, do có nhu cầu trồng cây Thông (cây con) tại khu đất rừng của gia đình nên Vi Văn E đã dùng dao và mượn máy cưa của anh ruột là Vi Văn C, để tự ý cắt, chặt trái phép toàn bộ các cây gỗ tạp và phát dọn rừng trên diện tích đất nêu trên. Sau khi cắt, chặt cây, E đã cắt bỏ phần ngọn, cành, để nguyên phần thân cây tại rừng và đốt dọn phần thượng bì rừng, rồi trồng mới khoảng 400 cây Thông.

Đến khoảng đầu tháng 8 năm 2022, Vi Văn N (là anh rể của E) đến nhà Vi Văn E chơi. Qua nói chuyện N biết việc E đã chặt hạ các cây Sau Sau tại rừng của E nhưng vẫn để nguyên ở rừng. N hỏi E việc cây Sau Sau đã chặt hạ có để làm gì không, nếu không thì N sẽ liên hệ người mua để bán cho đỡ phí và được E đồng ý. Sau khi về nhà, N liên hệ bằng điện thoại với Hoàng Văn S, sinh năm 1981, trú tại thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là chủ một cơ sở kinh doanh xưởng gỗ bóc trên địa bàn xã C và hỏi S có mua gỗ tạp không, thì S đồng ý mua. Sau đó N tiếp tục rủ thêm Nông Văn T và Vi Văn N1, đều trú cùng thôn với N đến rừng nhà E để cùng cắt gỗ đem bán. E, N, T và N cùng thống nhất góp tiền mua máy cưa và nhiên

liệu để cắt gỗ nhưng chỉ có N, T và N đóng góp trước được 4.000.000đ (bốn triệu đồng) và thống nhất số tiền bán gỗ sau khi trừ chi phí sẽ chia đều nhau. Số tiền đóng góp đã được sử dụng để mua 01 chiếc máy cưa xăng cầm tay nhãn hiệu HUSQVARNA và nhiên liệu để thực hiện việc cắt gỗ. Đến ngày 08/8/2022, E, N, T và N bắt đầu đến rừng của gia đình E và thay nhau dùng máy cưa cắt các thân cây gỗ thành từng khúc có chiều dài 01 mét rồi vận, lăn gỗ xuống chân rừng; sửa, phát quang đường mòn dẫn từ đường ĐH82 đến chân rừng và dùng 04 xe mô tô cá nhân của mỗi người để chở gỗ ra tập kết tại đường ĐH82. Quá trình thực hiện đến hết ngày 09/8/2022 thì dừng lại do trời mưa, đến ngày 15/8/2022 cả nhóm tiếp tục thực hiện, đến 16 giờ 00 phút ngày 16/8/2022, khi cả nhóm đang vận chuyển gỗ ra tập kết tại đường ĐH82 thì bị Công an huyện Chi Lăng phối hợp với Hạt Kiểm lâm huyện C và Công an xã Liên Sơn, huyện Chi Lăng phát hiện, bắt giữ.

Tại biên bản kiểm đếm và xác định chủng loại ngày 16/8/2022 do Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn lập, xác định: Khối lượng gỗ đã được khai thác, vận chuyển và tập kết tại đường ĐH82 là 9,396m³ (chín phẩy ba trăm chín mươi sáu mét khối) loại gỗ Sau Sau.

Tại biên bản kiểm tra hiện trường và kiểm đếm, xác định chủng loại lâm sản đã khai thác còn lại tại khu vực đất rừng của gia đình Vi Văn E ngày 17/8/2022 do Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn lập, xác định: Khối lượng gỗ đã được khai thác là 4,89m³ (bốn phẩy tám mươi chín mét khối) loại gỗ Sau Sau.

Tại biên bản xác định hiện trường ngày 31/8/2022 do Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn lập, xác định: Diện tích rừng Vi Văn E đã cắt, chặt các cây gỗ và đốt dọn phần thượng bì rừng là 2.497,1m² thuộc một phần diện tích của 03 thửa đất, cụ thể:

+ Diện tích 410,9m² đất thuộc Thửa số 136 của hộ gia đình nhà ông Vi Văn H và bà Lương Thị S1, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 489814 do Ủy ban nhân dân huyện Chi Lăng cấp ngày 21/4/2011.

+ Diện tích 487,2m² đất thuộc Thửa số 146 của hộ gia đình ông Vi Ngọc P1 và bà Lăng Thị K, địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 489712 do Ủy ban nhân dân Chi Lăng cấp ngày 21/4/2011.

+ Diện tích 1.599m² đất thuộc Thửa số 152 của hộ gia đình ông Vi Đức P và bà Lộc Thị L (là bố mẹ đẻ của Vi Văn E), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 489659 do Ủy ban nhân dân Chi Lăng cấp ngày 21/4/2011.

Tại bản Kết luận giám định tư pháp ngày 15/9/2022 của người giám định theo vụ việc trong lĩnh vực lâm nghiệp kết luận:

- Xác định loại rừng: Diện tích có cây gỗ đã khai thác tại thửa đất số 136, 146, 152, tờ bản đồ số 1, Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã L năm 2011, thuộc lô 9, khoảnh 8A, tiểu khu 360, Bản đồ hiện trạng rừng xã L. Diện tích có cây gỗ bị khai thác là 1.721,8m² thuộc trạng thái “rừng sản xuất là rừng tự nhiên”.

- Xác định khối lượng gỗ, loài cây gỗ: Khối lượng gỗ đã khai thác là $14,286\text{m}^3$, tương đương với $82,971\text{m}^3/\text{ha}$, loài cây là Sau Sau thuộc nhóm gỗ thông thường.

- Diện tích có cây gỗ đã khai thác là “rừng đã có trữ lượng”.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 32/KL-HĐĐGTS ngày 23/9/2022 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: $14,286\text{m}^3$ gỗ Sau Sau có giá trị tại thời điểm là 4.286.000đ (bốn triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Vật chứng và xử lý vật chứng:

- $14,286\text{m}^3$ (mười bốn phẩy hai trăm tám mươi sáu mét khối) gỗ Sau Sau (gỗ thuộc loài thông thường);

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 12D1 - 022.42 nhãn hiệu SYM ANGEL, màu đỏ bạc, xe cũ đã qua sử dụng, có gắn giá đèo hàng tự chế bằng kim loại;

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 12X1-058.10 nhãn hiệu HONDA WAVE, màu trắng đen bạc, xe cũ đã qua sử dụng, có gắn giá đèo hàng tự chế bằng kim loại;

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 12K6 - 4816 nhãn hiệu HONDA WAVE, màu đen xám, xe cũ đã qua sử dụng có gắn giá đèo hàng tự chế bằng kim loại;

- 01 (một) xe mô tô không biển kiểm soát nhãn hiệu CPI, màu xanh, xe cũ đã qua sử dụng có gắn giá đèo hàng tự chế bằng kim loại;

- 01 (một) máy cưa xăng nhãn hiệu HUSQVARNA màu cam, máy cũ đã qua sử dụng;

- 01 (một) máy cưa xăng có ghi nhãn hiệu bằng chữ Trung Quốc, màu đỏ đen, máy cũ đã qua sử dụng;

- 01 (một) con dao có chiều dài 49,5cm (phần thân dao bằng kim loại dài 27,5cm, bản rộng 05cm, phần cán dao bằng gỗ dài 22cm).

Ngày 09/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Chi Lăng đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản là 01 (một) máy cưa xăng có ghi nhãn hiệu bằng chữ Trung Quốc (máy cũ đã qua sử dụng), cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Vi Văn C.

Đối với 03 (ba) chiếc xe mô tô gồm: Xe mô tô biển kiểm soát: 12X1-058.10 nhãn hiệu HONDA WAVE, màu trắng đen bạc, xe cũ đã qua sử dụng, có gắn giá đèo hàng tự chế bằng kim loại; xe mô tô biển kiểm soát: 12K6 - 4816 nhãn hiệu HONDA WAVE, màu đen xám, xe cũ đã qua sử dụng có gắn giá đèo hàng tự chế bằng kim loại; xe mô tô không biển kiểm soát nhãn hiệu CPI, màu xanh, xe cũ đã qua sử dụng có gắn giá đèo hàng tự chế bằng kim loại. Cơ quan điều tra đã tách để chuyển xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

Đối với các vật chứng còn lại chưa xử lý, chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Số cây gỗ bị khai thác tại thửa đất số 136 và 146, Vi Văn E khai nhận do thửa đất rừng số 136 của hộ gia đình ông Vi Văn H và thửa đất rừng số 146 của hộ gia đình ông Vi Ngọc P1 tiếp giáp với thửa đất của gia đình nhà E, không được cắm mốc, phân định ranh giới rõ ràng nên E đã chặt phá lấn sang diện tích các thửa đất nêu trên (E không cố ý thực hiện). Do đó, ông Vi Văn H và ông Vi Văn L1 (là người được ủy quyền hợp pháp của hộ gia đình ông Vi Ngọc P1) không yêu cầu bồi thường về dân sự đối với Vi Văn E. Ngoài ra, không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Bản Cáo trạng số 48/CT-VKSCL ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng đã truy tố bị cáo Vi Văn E về tội: Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Vi Văn E đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như bản Cáo trạng đã truy tố. Nguyên nhân bị cáo phạm tội là do bị cáo muốn có đất để trồng thông và bán cây gỗ khai thác để lấy tiền tiêu nên dẫn tới phạm tội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm các hộ ông Vi Đức P, ông Vi Văn H, anh Vi Văn L1 xác nhận lời trình bày của bị cáo E trước Tòa là đúng, bị cáo đã biết lỗi, các hộ gia đình nêu trên không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Vi Văn N, Nông Văn T và Vi Văn N1 trình bày: Do không biết việc Vi Văn E thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép nên đã cùng bị cáo E thực hiện việc cắt khúc, vận chuyển gỗ với mục đích đem bán kiếm tiền để chia nhau, cụ thể: E sử dụng xe mô tô biển kiểm soát: 12D1 - 022.42; N sử dụng xe mô tô biển kiểm soát: 12K6 – 4816; T sử dụng xe mô tô biển kiểm soát: 12X1 – 058.10; N sử dụng 01 xe mô tô cũ không gắn biển kiểm soát, thay nhau sử dụng máy cưa xăng nhãn hiệu HUSQVARNA màu cam, để cắt gỗ ra thành khúc và vận chuyển ra cạnh đường DH82.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lăng Thị V trình bày: Việc Vi Văn E khai thác rừng không có bản bạc nên chị V không biết, chị V cũng không biết việc E dùng xe mô tô là tài sản chung của vợ chồng để đi cắt và vận chuyển gỗ trái phép. Chị V đề nghị được trả lại chiếc xe mô tô để gia đình có phương tiện đi lại, đón con đi học.

Kết thúc phần xét hỏi Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Vi Văn E sau khi phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Vi Văn E phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 50, 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vi Văn E từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, có ấn định thời gian thử thách, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước:

- 01 (một) máy cưa xăng nhãn hiệu HUSQVARNA màu cam, máy cũ đã qua sử dụng.

- 14,286m³ (mười bốn phẩy hai trăm tám mươi sáu mét khối) gỗ Sau Sau (gỗ thuộc loài thông thường);

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao có chiều dài 49,5cm (phần thân dao bằng kim loại dài 27,5cm, bản rộng 05cm, phần cán dao bằng gỗ dài 22cm.

Trả cho Vi Văn E và chị Lăng Thị V 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 12D1 - 022.42 nhãn hiệu SYM ANGEL, màu đỏ bạc, xe cũ đã qua sử dụng, có gắn giá đèo hàng tự chế bằng kim loại.

Về phần dân sự: Không có yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm: Nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên về trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc điều kiện, khả năng nhận thức của bị cáo vì bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức có phần hạn chế; bị cáo thuộc diện hộ nghèo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ cho bị cáo; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Căn cứ vào các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, mức hình phạt nhẹ nhất có thể, cho hưởng án treo, không áp dụng hình phạt bổ sung.

Những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng bị cáo Vi Văn E xin được giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó

các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lộc Thị L đã có giấy ủy quyền cho ông Vi Đức P, việc bà L vắng mặt, không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Vi Văn E khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở phần trên, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ. Các chứng cứ đó phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, hành vi thực hiện, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định, cụ thể:

[4] Khoảng cuối tháng 6, đầu tháng 7/2022, Vi Văn E đã có hành vi dùng dao và cưa máy chặt hạ các cây Sau Sau tại khu đất rừng thuộc trạng thái “rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đã có sản lượng” thuộc thửa đất số 152 của hộ gia đình E và các thửa đất số 136 của hộ ông Vi Văn H, 146 của hộ ông Vi Ngọc Phụng, thuộc khu đồi K (K), Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn với mục đích dọn rừng để trồng cây Thông con. Đến đầu tháng 8/2022, Vi Văn E, Vi Văn N, Nông Văn T, Vi Văn N1 đã nảy sinh ý định và bàn bạc với nhau đem toàn bộ số gỗ trên đem bán để lấy tiền chia nhau. Vào các ngày 08/8/2022, 09/8/2022, 15/8/2022, 16/8/2022 Vi Văn E, Vi Văn N, Nông Văn T, Vi Văn N1 đã có hành vi dùng cưa máy cắt toàn bộ các cây Sau Sau do Vi Văn E đã chặt hạ từ trước thành khúc và dùng xe mô tô vận chuyển ra đường DH82 để bán kiếm lời. Tổng số gỗ Vi Văn E đã khai thác nhằm mục đích đem bán kiếm lời là 14,286m³ (mười bốn phẩy hai trăm tám mươi sáu mét khối).

[5] Bị cáo Vi Văn E là chủ rừng, rừng của hộ gia đình nhà E tại thửa đất số 152 tờ bản đồ số 01 Bản đồ Địa chính đất lâm nghiệp xã L, thời điểm khai thác thuộc trạng thái: “rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đã có trữ lượng”. Mục đích của bị cáo là khai thác để lấy đất trồng thông. Trong khi khai thác do ranh giới, mốc giới không rõ ràng nên bị cáo đã khai thác sang các thửa 136 và 146 của các chủ rừng khác. Bị cáo đã cố ý khai thác cây rừng ở rừng sản xuất là rừng tự nhiên mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép với khối lượng gỗ là 14,286m³ gỗ loài thực vật thông thường. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Vi Văn E phạm tội: Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Bị cáo Vi Văn E là người trưởng thành, có đủ khả năng nhận thức được việc khai thác gỗ tại rừng sản xuất là rừng tự nhiên mà không làm thủ tục xin phép cơ quan chức năng có thẩm quyền và không được cơ quan chức năng cấp phép cho khai thác gỗ tại khu rừng trên là vi phạm pháp luật. Chỉ vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn có đất để trồng thông và bán gỗ để có tiền tiêu, bị cáo đã thực hiện hành vi khai thác trái phép rừng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về bảo vệ

và phát triển rừng là một trong các đối tượng quan trọng được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy cần phải xử lý đối với bị cáo bằng pháp luật hình sự, nhằm giáo dục bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[7] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Bộ luật Hình sự, có cân nhắc đến tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Vi Văn E.

[8] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo Vi Văn E đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý tuy nhiên bị cáo có phần hạn chế về nhận thức. Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên có nhân thân tốt. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có bố đẻ được tặng Huy chương nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Xét thấy bị cáo đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã thực sự ăn năn hối cải. Bị cáo có nhân thân tốt, có đủ điều kiện cho hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên việc cách ly bị cáo ra ngoài xã hội là không cần thiết mà để cải tạo tại địa phương cũng đủ để các bị cáo tu dưỡng, rèn luyện bản thân, sớm trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội, biết tôn trọng và tuân thủ pháp luật. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo thuộc hộ nghèo chưa có thu nhập ổn định, không có khả năng thi hành.

[10] Tại phiên tòa: Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử đã xem xét và chấp nhận

[11] Đối với Vi Văn N, Nông Văn T, Vi Văn N1 cùng thực hiện việc khai thác gỗ. Tuy nhiên, không biết rừng của nhà E là loại rừng gì và cũng không biết việc E chặt hạ các cây gỗ từ rừng của nhà E là vi phạm pháp luật. Về khối lượng gỗ mà Vi Văn N, Nông Văn T và Vi Văn N1 tham gia khai thác, vận chuyển ra khỏi rừng của E là 9,396m³ là chưa đủ định lượng. Do đó, hành vi của Vi Văn N, Nông Văn T và Vi Văn N1 không cấu thành tội phạm. Cơ quan điều tra đã chuyển các tài liệu, tang vật, phương tiện (03 chiếc xe mô tô có gắn kèm giá đèo hàng) liên quan đến hành vi vi phạm của N, T và N đến Công an huyện Chi Lăng để giải quyết theo quy định. Ngày 28/11/2022, Công an huyện Chi Lăng

đã có Tờ trình số 121/TTr-CAH đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp đối với Vi Văn N, Nông Văn T, Vi Văn N1 là đúng quy định của pháp luật.

[12] Đối với Hoàng Văn S, không biết nguồn gốc gỗ là do khai thác trái phép. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý. Đối với ông Vi Đức P và bà Lộc Thị L là người đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 152. Tuy nhiên, ông P và bà L đã giao cho Vi Văn E quản lý, sử dụng từ trước thời điểm E thực hiện hành vi phạm tội, việc E thực hiện hành vi khai thác rừng trái phép ông P và bà L không biết. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm là đúng quy định.

[13] Trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử xác định ông Vi Đức P, bà Lộc Thị L, ông Vi Văn H, anh Vi Văn L1 là bị hại, Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tham gia tố tụng của họ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[14] Về phần dân sự: Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Về xử lý vật chứng vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy 01 con dao. Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước. 01 (một) máy cưa xăng nhãn hiệu HUSQVARNA; 14,286m³ gỗ Sau Sau, vì là công cụ dùng vào việc phạm tội hoặc do phạm tội mà có, theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả cho Vi Văn E và chị Lăng Thị V 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 12D1 - 022.42 nhãn hiệu SYM ANGEL, vì là tài sản chung của gia đình bị cáo đã sử dụng trái phép, theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[16] Về án phí: Bị cáo Vi Văn E bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm vì chịu án phí là trách nhiệm của người bị kết án, nhưng bị cáo sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Tại phiên tòa bị cáo xin miễn án phí, do đó căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vi Văn E.

[17] Về quyền kháng cáo: Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 232; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50; các khoản 1, 2, 5 Điều 65; các điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các điểm a, b khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; các Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15; các khoản 1, 3 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Vi Văn E phạm tội: Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

Xử phạt bị cáo Vi Văn E 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 07/02/2023.

Giao bị cáo Vi Văn E cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục người bị kết án.

Bị cáo Vi Văn E phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng:

2.1 Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước:

- 01 (một) máy cưa xăng nhãn hiệu HUSQVARNA màu cam, máy cũ đã qua sử dụng.

- 14,286m³ (mười bốn phẩy hai trăm tám mươi sáu mét khối) gỗ Sau Sau (gỗ thuộc loài thông thường).

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao có chiều dài 49,5cm (phần thân dao bằng kim loại dài 27,5cm, bản rộng 05cm, phần cán dao bằng gỗ dài 22cm.

2.2 Trả cho Vi Văn E và chị Lăng Thị V 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 12D1 - 022.42 nhãn hiệu SYM ANGEL, màu đỏ bạc, xe cũ đã qua sử dụng, có gắn giá đèo hàng tự chế bằng kim loại.

(Vật chứng lưu giữ tại kho Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Công an huyện Chi Lăng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, ngày 29/11/2022).

3. Về án phí: Bị cáo Vi Văn E được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- CQCSĐT Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- CQTHAHS Công an huyện Chi Lăng, Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã L, huyện C.
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Hoàng Thế Khuynh